ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 3366 /QĐ-UBND	*Tiền Giang, ngày 05 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang

CTY TNHH MTV KHAI THÁC CT THỦY LỢI TG
ĐẾN Số: 613
Ngày: 09/12/22
Chuyển: P.KHKT, các CN
Lưu hồ sơ số: P.KHKT chủ trì, phối hợp tham mưu thực hiện

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong phát triển kinh tế - xã hội;

Theo đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang (Sở Kế hoạch và Đầu tư) tại công văn số 3100/BCĐĐM&PTDN ngày 17 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang với những nội dung chính, như sau:

1. Mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát 05 năm 2021-2025:

1.1. Đảm bảo nguồn nước ngọt, cung cấp nước để tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng năm trên địa bàn của tỉnh.

1.2. Quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi cống, kênh được Chủ sở hữu giao quản lý một cách hợp lý và có hiệu quả, đặc biệt chú trọng công tác này trong mùa hạn mặn, mưa bão.

1.3. Tổ chức thực hiện duy tu sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi trong hệ thống để đáp ứng khả năng tải nước, cung cấp nước phục vụ sản xuất.

2. Các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh 05 năm 2021-2025:

2.1. Sản lượng sản phẩm chủ yếu:

a) Quản lý và khai thác công trình cống: thực hiện quản lý các công trình hiện tại và được giao quản lý hằng năm, dự kiến từ 183 cống năm 2021 tăng lên 188 cống vào năm 2025. Cụ thể:

- Năm 2021 là 183 cống.

- Năm 2022 là 182 cống, giảm 01 cống so năm 2021 (do tháo dỡ cống Đồng Sơn trong năm 2021).

- Năm 2023 là 184 cống, tăng 02 cống so với năm 2022 là cống Rạch Gầm và cống Phú Phong.

- Năm 2024 là 188 cống, dự kiến tăng 04 cống so với năm 2023 là cống Mù U, Cây Còng, Hai Tân, Cái Sơn.

- Năm 2025 là 188 cống, tương đương năm 2024.

b) Quản lý và khai thác công trình kênh: 1.158,63 km.

c) Quản lý và khai thác trạm bơm: 01 trạm.

d) Diện tích tưới tiêu tạo nguồn kết hợp: giảm dần hằng năm do thực hiện Đề án cắt vụ, chuyển đổi mùa vụ, cơ cấu cây trồng. Trong giai đoạn 2021-2025, dự kiến giảm 14.312 ha, bình quân mỗi năm giảm khoảng 2.862,4 ha/năm và đến năm 2025 còn khoảng 286.000 ha.

2.2. Chỉ tiêu tài chính:

a) Tổng doanh thu: tăng bình quân khoảng 3,05%/năm và đến năm 2025 tổng doanh thu đạt khoảng 43,5 tỷ đồng.

b) Tổng lợi nhuận trước thuế: khoảng 150-170 triệu đồng/năm.

c) Thuế và các khoản nộp ngân sách: khoảng 33-37 triệu đồng/năm.

d) Vốn Chủ sở hữu: tăng 995,76 tỷ đồng, tăng nhanh trong giai đoạn 2023-2025 do thực hiện quyết toán các công trình đã đưa vào khai thác sử dụng, dự kiến đến năm 2025 vốn chủ sở hữu khoảng 1.306,78 tỷ đồng.

2.3. Tổng số lao động: dự kiến tăng bình quân 4,01%/năm và đến năm 2025 có khoảng 185 lao động (kể cả người quản lý).

2.4. Tổng quỹ lương: dự kiến tăng bình quân 2,88%/năm và quỹ lương đến năm 2025 khoảng 20,25 tỷ đồng.

3. Các giải pháp thực hiện:

3.1. Giải pháp về tài chính:

a) Nâng cao năng lực quản lý tài chính, kiểm soát chặt chẽ các nguồn vốn tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh; quản lý chặt chẽ các khoản công nợ phải thu, phải trả, không để nợ xấu xảy ra.

b) Thực hiện các biện pháp quản lý tài chính đúng theo quy định tài chính kế toán hiện hành và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, rõ ràng, minh bạch, hóa đơn chứng từ đảm bảo quy định, hợp lý hợp lệ.

c) Thường xuyên cập nhật, theo dõi và hạch toán tăng giá trị tài sản, vốn chủ sở hữu kịp thời theo quy định đối với các tài sản do công ty tiếp nhận.

d) Quản lý hiệu quả nguồn vốn được giao, công khai tài chính minh bạch; giải quyết kịp thời và đầy đủ các chế độ chính sách lương, thưởng,... đảm bảo thu nhập của người lao động bằng mức trung bình của các doanh nghiệp trong toàn tỉnh.

đ) Thực hiện giao khoán định mức chi phí. Thường xuyên cập nhật tập huấn chế độ tài chính kế toán, chính sách thuế cho đơn vị theo đúng quy định.

e) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp. Quản lý chặt chẽ các khoản chi phí, tiết kiệm chi tiêu. Đảm bảo các khoản chi theo đúng kế hoạch được giao trong năm.

3.2. Giải pháp về sản xuất:

a) Quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi:

- Thực hiện việc kiểm tra, quan trắc công trình theo quy định.

- Thực hiện việc vận hành công trình theo nhiệm vụ thiết kế, quy trình thao tác và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Xây dựng quy trình vận hành công trình trong các khu vực khép kín, đáp ứng yêu cầu về sản xuất và môi trường.

- Thực hiện tốt công tác phòng, chống hạn mặn, lụt bão, bảo đảm an toàn công trình trong mùa mưa bão, hạn hán.

- Thực hiện tốt việc tổ chức triển khai, giám sát việc khôi phục, duy tu, sửa chữa, bảo trì công trình theo quy định.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến, áp dụng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để kéo dài tuổi thọ và nâng cao hiệu quả khai thác công trình.

- Bảo vệ công trình, ngăn chặn, phòng, chống các hành vi xâm hại hoặc phá hoại công trình.

- Lập, lưu trữ hồ sơ kỹ thuật và các hồ sơ tài liệu khác có liên quan.

- Tăng cường nâng cao quản lý kỹ thuật công trình, chú trọng các công tác tiếp nhận, quản lý hồ sơ lý lịch, quy trình vận hành của từng công trình, hệ thống công trình.

- Phối hợp cùng chính quyền địa phương các cấp tổ chức hội nghị tuyên truyền trong nhân dân và xử lý triệt để các hành vi vi phạm bảo vệ công trình.

b) Quản lý nguồn nước, phân phối nguồn nước và bảo vệ nguồn nước:

- Đánh giá, dự báo nguồn nước; tổng hợp yêu cầu sử dụng nước; lập kế hoạch, phương án cung cấp nước, phương án tiêu thoát nước và kế hoạch, phương án ngăn mặn hoặc hạn chế xâm nhập mặn.

- Điều hành việc phân phối nước, cấp nước, tiêu nước, ngăn mặn hoặc hạn chế xâm nhập mặn.

- Quan trắc, đo đạc lượng mưa, mực nước, lưu lượng nước, chất lượng nước theo quy định.

- Cải thiện chất lượng nước, nâng cao hiệu quả sử dụng; áp dụng các quy trình, kỹ thuật tưới tiêu tiên tiến để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp, thuỷ sản.

- Thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, úng ngập, mưa bão, xâm nhập mặn, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Đánh giá kết quả tưới tiêu, cung cấp nước; lập bản đồ kết quả tưới tiêu theo mỗi mùa vụ.

- Phối hợp với các sơ, ban, ngành, chính quyền địa phương thường xuyên tổ chức hội nghị dùng nước, hội nghị đầu bờ của từng khu vực, dự án. Tổ chức thông tin lịch vận hành công trình, mực nước, diễn biến tình hình chất lượng nguồn nước rộng rãi đến người dân thông qua tài liệu, văn bản, phát thanh, truyền hình,...

- Duy trì thông thoáng lòng kênh theo Phương án số 253/PA-UBND ngày 19/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, phối hợp với các địa phương kiểm tra các hệ thống kênh, rạch còn lại để đảm bảo thông thoáng, chuyển tải nước phục vụ cho sản xuất, dân sinh và mỹ quan môi trường.

3.3. Giải pháp về nguồn nhân lực:

a) Tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý, bộ máy trực tiếp sản xuất theo hướng tinh gọn, hợp lý, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo hiệu quả trong việc sử dụng nguồn nhân lực.

b) Thường xuyên tổ chức rà soát lại lao động, định mức lao động, xác định các vị trí, chức danh công việc trong từng cụm thủy nông, từng chi nhánh, từng phòng ban tại Công ty làm cơ sở xây dựng kế hoạch sử dụng lao động, kế hoạch tuyển dụng lao động.

c) Tổ chức đánh giá tình hình sử dụng lao động theo kế hoạch đã được phê duyệt. Phân tích rõ những ưu điểm, tồn tại, hạn chế trong việc tuyển dụng, sử dụng lao động, nguyên nhân chủ quan, khách quan để đề ra những biện pháp khắc phục kịp thời.

d) Đối với số lao động hiện có thì thực hiện rà soát, sắp xếp để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, tay nghề cho cán bộ và người lao động trong Công ty.

đ) Quan tâm đến công tác đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý kế cận để có nguồn thay thế về lâu dài.

3.4. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật:

a) Áp dụng các công nghệ mới, cải tiến công nghệ trong vận hành công trình và hệ thống công trình. Ứng dụng các vật liệu mới trong chế tạo, sửa chữa cửa cống. Tích cực áp dụng các biện pháp xử lý kỹ thuật mới, các biện pháp vận hành công trình, phi công trình mà qua thực tế áp dụng đã chứng minh được hiệu quả.

b) Trang bị và đưa vào sử dụng các thiết bị mới về quan trắc, đo đạc tự động, vận hành cửa cống; thay thế dần các máy đóng mở, tời kéo không an toàn theo hướng hiện đại, khi có điều kiện sẽ thay thế các máy móc vận hành thủ công chuyển sang điện.

c) Ứng dụng các sáng kiến đã được công nhận đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý diện tích tưới tiêu, thiết kế dự toán công trình, vẽ bản đồ phục vụ sản xuất theo mùa vụ, lưu trữ hồ sơ nhân sự, hồ sơ công trình để phục vụ công tác quản lý ngày càng tốt hơn.

3.5. Giải pháp về quản lý và điều hành:

a) Tuân thủ "Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty" được ban hành theo Quyết định của Chủ sở hữu và các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước.

b) Nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành quản lý của từng thành viên trong Ban lãnh đạo công ty. Thống nhất trong chỉ đạo, điều hành của Ban lãnh đạo công ty để tập trung quản lý, khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi trong tỉnh nhằm đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

c) Tăng cường mối liên hệ với Chủ sở hữu, sở, ngành chuyên môn, các cấp chính quyền đoàn thể trong toàn tỉnh để tạo mối liên lạc thường xuyên, gắn bó và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

d) Quan tâm chỉ đạo đối với các hoạt động đoàn thể, xây dựng các phong trào thi đua sản xuất tạo khí thế sôi nổi, vui tươi lành mạnh trong toàn Công ty.

3.6. Giải pháp khác:

a) Tổ chức thực hiện công tác báo cáo, công tác thống kê, công tác giám sát và các báo cáo khác tại doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Tổ chức thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh định kỳ tại doanh nghiệp, tìm ra những điểm mạnh để phát huy, những mặt còn hạn chế và tồn tại để khắc phục kịp thời, làm cơ sở điều hành sản xuất, kinh doanh tốt hơn cho các quý sau hoặc cho năm sau.

c) Xây dựng đầy đủ các quy chế nội bộ trên các lĩnh vực tài chính thống kê, quản lý bảo vệ công trình, lao động tiền lương, thi đua khen thưởng, đề bạt bổ nhiệm, nâng bậc lương... và các lĩnh vực khác phù hợp với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty để quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh một cách khoa học, rõ ràng, minh bạch và hiệu quả.

d) Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong Công ty, thường xuyên quan tâm và chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Tổ chức xây dựng nơi làm việc và môi trường làm việc mang tính văn minh, hiện đại, khoa học, khơi dậy lòng yêu nghề, yêu công việc của từng đối tượng lao động để người lao động yên tâm làm việc và được cống hiến lâu dài cho Công ty.

đ) Tuyên truyền, tập huấn người lao động trong Công ty nắm vững những chủ trương, đường lối, chính sách và Nghị quyết của Đảng và Nhà nước; nắm vững các quy định của Nhà nước về lĩnh vực chuyên môn của từng đối tượng người lao động để chấp hành, thực thi pháp luật.

Điều 2. Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang có trách nhiệm:

1. Tổ chức triển khai Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm 2021-2025 đã được phê duyệt theo đúng quy định; quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại Công ty đảm bảo hiệu quả, bảo toàn.

2. Rà soát, nghiên cứu đề xuất các cơ chế chính sách liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của Công ty.

3. Việc mua sắm, đầu tư phải triển khai thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật và gửi về Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư), Sở Tài chính tổng hợp, giám sát theo quy định.

4. Chấp hành quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; đầu tư, xây dựng; nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và các báo cáo khác; việc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra; quy định về chế độ, chính sách. Không có những hành vi thực hiện sai, bỏ sót, thực hiện không kịp thời hoặc không thực hiện.

5. Theo dõi, giám sát tình hình thực hiện và đánh giá kết quả sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm 2021-2025 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm 2021-2025 của Công ty về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư (Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang), Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, trước các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về các thông tin, số liệu Công ty đã báo cáo tại Công văn số 476/TL-KHKT ngày 01/7/2022 kèm theo Kế hoạch số 475/KH-TL ngày 01/7/2022, Công văn số 704/TL-KHKT ngày 17/10/2022 để làm rõ thêm số liệu năm 2025 và các hồ sơ, tài liệu liên quan đến Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm 2021-2025.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều 3. Trưởng ban Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) tại Công ty có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm 2021-2025 của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ và các quy định của pháp luật.

Điều 4. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình tạo điều kiện hỗ trợ, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm 2021-2025 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang; kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Chủ tịch Công ty và Trưởng ban Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

(Đính kèm Phụ lục)

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP và các PCVP, Phòng KT (Tâm, Luân);
- Lưu: VT, (Tú). 126

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Dũng

PHỤ LỤC: Các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh giai đoạn năm 2016-2025
của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang

(Kèm theo Quyết định số 3366 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm TH			Năm Kế hoạch					Tốc độ 2016-2020	Tốc độ 2021-2025
			2015	2016	2020	2021	2022	2023	2024	2025		
I	**Sản lượng, sản phẩm chủ yếu**											
1	Quản lý và khai thác công trình cống	Cống	111	121	183	183	182	184	188	188	10,52%	0,54%
2	Quản lý và khai thác công trình kênh	Km	1.118,20	1.118,82	1.158,63	1.158,63	1.158,63	1.158,63	1.158,63	1.158,63	0,71%	0,00%
3	Quản lý và khai thác trạm bơm	Trạm	1	1	1	1	1	1	1	1	0,00%	0,00%
4	Diện tích tưới tiêu tạo nguồn kết hợp	Ha	383.024,76	380.538	300.312	300.312	290.018	289.000	287.500	286.000	-4,75%	-0,97%
II	**Chỉ tiêu tài chính**											
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	40,05	27,99	37,43	34,98	40,24	42,19	43,50	43,50	-1,34%	3,05%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		0,032	0,468	0,15	0,15	0,16	0,17	0,17		-18,33%
4	Thuế và các khoản nộp ngân sách	Tỷ đồng	252,791	0,293	0,114	0,033	0,033	0,035	0,037	0,037	-78,58%	-20,15%
6	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	306,66	309,42	311,02	311,02	311,02	942,78	1.117,78	1.306,78	0,28%	33,25%
III	**Tổng lao động**	**Người**	**200**	**202**	**152**	**171**	**172**	**180**	**185**	**185**	-5,34%	4,01%
IV	**Tổng quỹ lương**	**Tỷ đồng**	**11,87**	**10,67**	**17,57**	**18,07**	**18,04**	**19,55**	**20,25**	**20,25**	8,16%	2,88%